

TRUNG GIANG KÝ SỰ – kỳ 3

Hành Vân

- A-di-đà Phật, cho sư gặp Ni sư Tuyết Liên được không?
- Xin sư đợi một lát.
- ... A-lô, trò nghe đây.
- Ni sư khỏe không?
- Cám ơn đại đức, trò khỏe. Đại đức cần gặp trò có việc gì?
- Thưa Ni sư, trò nghe nói Ni sư có nhiều *Chơn Lý* cũ lắm phải không?
- Chẳng dấu gì đại đức, tịnh xá trò có hơn chục bộ *Chơn Lý* lận.
- Hay quá, Ni sư cho trò xem được không?
- Dạ được chứ.
- Còn sách của ông Đoàn Trung Còn, Ni sư có không?
- Trò cũng có nhiều nữa.
- May quá, mai trò xuống, Ni sư có ở tịnh xá không?
- Dạ có, thỉnh đại đức mai xuống thăm tịnh xá.
- Cám ơn Ni sư, mai trò xuống...

Xuôi Quốc lộ 1, qua khỏi Long An, vào địa phận Tiền Giang, vừa qua khỏi Ngã ba Phú Mỹ có một bảng tốc độ thì xuống xe. Tôi làm đúng theo lời chỉ dẫn của Ni sư Tuyết, vừa bước thêm mấy bước thì đã thấy bảng Tịnh xá Ngọc Hiệp ngay bên đường quốc lộ. Điểm đặc biệt là bảng này có hai tên, Tịnh Xá Ngọc Hiệp bên trái, bên phải bảng để tên Miếu Trung Nghĩa Thần, đều chung một địa chỉ ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.



Toàn cảnh Tịnh xá Ngọc Hiệp

Tháng 7, mùa Thu, lá rụng vàng... Nam Bộ không có mùa Thu như miền Bắc Việt Nam. Xứ này chỉ có hai mùa là mùa khô và mùa mưa. Tiết Vu-lan

tháng 7 nhằm vào mùa mưa ở Nam Bộ. Và thường thì Vu-lan cũng là thời điểm mùa nước nổi bắt đầu lênh lảng ở đồng bằng sông Cửu Long. Mỗi năm, tỉnh Tiền Giang cũng bị ngập nước đục ngầu phù sa do con sông Mê-kông mang về như các tỉnh Đồng Tháp, An Giang...

Tôi đi vào tịnh xá, một cảm giác nhẹ nhàng, tươi sáng dâng trào trong tôi, trái hẳn với những cảm giác khó chịu khi ngồi trên chuyến xe dù hơn một tiếng từ Bến xe Miền Tây xuống đây vừa rồi. Ngọc Hiệp đơn giản nhưng không đơn điệu, không lộng lẫy kiêu sa, cũng không tàn tạ cũ kỹ. Cổng khép, tôi thò tay rút chốt, đẩy cửa đi vào. Ngay trước mặt tôi là đài Quan Âm. Đài Quan Âm được tôn trí hài hòa xanh mát thể này chứng tỏ thẩm mỹ của người ở đây có phần hơn người. Trong kinh Phật có phân tích rằng nhà cửa ruộng vườn là y báo, là những báo ứng theo cùng chánh báo, mà chánh báo chính là thân, và tâm là kẻ thọ báo. Như một đài Quan Âm ở đây cũng nói lên được y báo trang nghiêm của Tịnh xá Ngọc Hiệp. *(Tuy trang nghiêm nhưng các báo ứng thấy đều là hữu dư.)*



Đài Quan Âm

Một con chó Phú Quốc chạy ra sủa rân. Chó Phú Quốc là giống chó có hàng lông xoáy trên lưng. Nghe nói chó Phú Quốc giỏi đi săn, biết trèo cây như báo. Con chó này cứ sủa mãi, phá vỡ bầu không khí yên tĩnh ở Ngọc Hiệp. Các sư cô cũng thông thả, lúc lâu sau thấy nó sủa dai quá mới có một sư cô lấy cây lừa nó xuống bếp. Phàm là chó ở chùa mà hần học với Tăng, Ni thì không phải là chó khôn, dù là chó Phú Quốc. Tôi thầm mắng nó: “Mi đã mang thân súc sinh, lại xấu trai, còn thêm cái thói hần học này thì quả thật nặng nghiệp quá! Nay được duyên lành ở chùa với chư Ni thì ráng tu đi cho thoát kiếp chó mới phải, cần nhẩn gì nữa?”.

Tôi vào phòng khách. Ni sư Tuyết Liên đáp y ra chào và mời tôi uống nước. Lát sau, các cô đệ tử của Ni sư cũng đáp y đi ra. Họ trải các tấm lát và đứng vào hàng. Tôi nói: “Quý sư cô xá thôi, sư có việc bận.”. Ni sư Tuyết bảo: “Xin sư cứ để cho chư Ni bọn trò làm đúng phép như lời Phật dạy. Trò muốn

các cô ở đây phải giữ được phép tắc này như hồi thầy trò còn sống.”. Thế rồi mấy thầy trò đồng quỳ lạy tôi. Tôi chấp tay đáp lễ và mời các cô hãy đứng dậy nghỉ. Các sư cô im lặng lui xuống. Ni sư Tuyết đứng bên bàn nói:

– Thưa sư, đây là sổ *Chơn Lý* trò có.

Tôi mời Ni sư ngồi, rồi nhìn trên bàn, thấy có nhiều sách cũ đã bày sẵn. Tôi với tay ra sau lưng lấy máy ảnh, Ni sư bảo ở đây hơi tối, để đem ra ngoài. Tôi đồng ý vì chụp có ánh đèn thì hình sẽ bị chói, không trung thực.



Sổ *Chơn Lý* của Ni sư Tuyết Liên

Sổ *Chơn Lý* Ni sư Tuyết có gồm các cuốn lẻ in trước tháng 3 năm 1954, các cuốn lẻ in sau tháng 3 năm 1954 và năm 1955, 1956, 1957, 1958... thêm các bộ in năm 1961, 1964, 1965, 1971, 1993, 1998 và một bộ riêng của Ni trưởng Trí Liên, thầy của Ni sư Tuyết. Bộ của Ni trưởng Trí Liên có ba tập, bìa xanh lá cây, được đóng lại từ các cuốn lẻ in năm 1956 và 1957. Bộ in năm 1961 là quyển Ni sư Tuyết đã sử dụng lâu nay, có nhiều chỗ được gạch chân bằng bút bi. Bộ *Chơn Lý* – 1964 được in thành năm quyển, còn bộ in năm 1965 là hai quyển, hai bộ bằng khổ. Các bộ *Chơn Lý* từ năm 1993 về sau chỉ có 60 bài và số thứ tự đã bị thay đổi.

Phần sách của ông Đoàn Trung Còn thì Ni sư có các quyển: *Truyện Phật Thích-Ca* (quyển *Phật học* số 01, tạm ký hiệu PH-01), *Đạo Lý Nhà Phật* (PH-03), *Chuyện Phật Đời Xưa* (PH-04), *Triết Lý Nhà Phật* (PH-06), *Lịch Sử Nhà Phật* (PH-07), *Pháp Giáo Nhà Phật* (PH-08), *Tăng Đồ Nhà Phật* (PH-09), *100 Bài Kinh Phật* (PH-12), *Na-Tiên Tỳ-Kheo Kinh & Thi-Ca-La-Việt Kinh* (PH-13), *Chư Kinh Tập Yếu* (PH-26)...

Tôi nói:

– Ni sư biết không, ngày nay sách của ông Đoàn Trung Còn được tái bản nhiều, nhưng đã bị cha con ông Nguyễn Minh Tiến thay đổi ruột rồi, nên những sách xưa này trò tiếc lắm.

Ni sư hỏi:

– Sao họ làm kỳ vậy?

– Sư đã đến tận nhà gặp họ hỏi thăm, nhưng nói gì nữa, họ muốn vậy... Sư đã nhờ Phật tử Hà Nội đánh máy lại quyển *Tăng Đồ Nhà Phật* của ông Đoàn Trung Còn. Đây chính là quyển mà Tổ sư Minh Đăng Quang đã tham khảo để biên soạn *Giới Bốn Tăng* và *Giới Bốn Ni* đó, Ni sư.



Tỳ-kheo Thích Hồng Tại – Học giả Đoàn Trung Còn

Tỳ-kheo Thích Hồng Tại hay Học giả Đoàn Trung Còn sinh năm 1908, mất năm 1988, người ở thành phố Vũng Tàu, sống và làm việc tại thành phố Sài Gòn (sau 1975 là Thành phố Hồ Chí Minh). Trọn một đời hoạt động trên lĩnh vực văn hóa Phật giáo, ông đã thành lập ba nhà xuất bản:

- Nhà xuất bản Phật Học Tông Thơ, xuất bản những kinh sách Phật giáo do tác giả Đoàn Trung Còn sáng tác, soạn dịch.

- Nhà xuất bản Phật Học Thơ Xã, xuất bản những kinh sách Phật giáo do các tác giả khác sáng tác, soạn dịch.

- Nhà xuất bản Trí Đức Tông Thơ, xuất bản những sách Khổng giáo hay Hán văn.

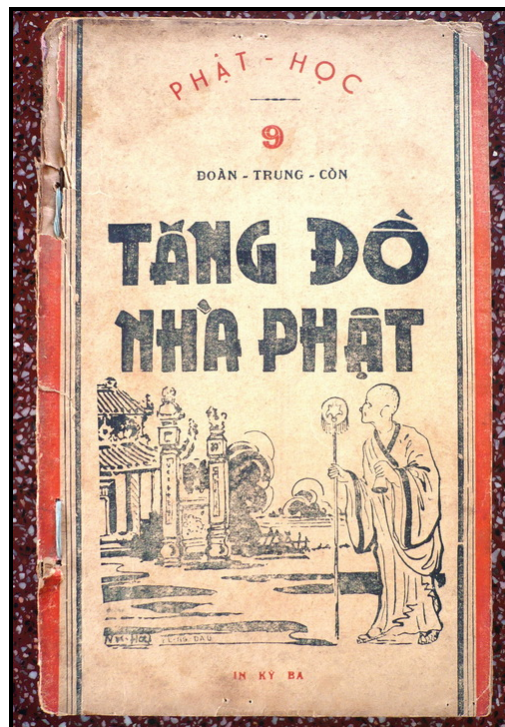
Năm 1955, ông Đoàn Trung Còn hợp tác cùng với chư Tăng và thân hữu thành lập Giáo hội Tịnh Độ Tông Việt Nam, đặt trụ sở tại chùa Giác Hải ở Phú Lâm – Chợ Lớn. Ông Đoàn Trung Còn đã được bầu làm Trị Sự Trưởng Ban Chấp Sự Trung Ương của Giáo hội này. Đến năm 1959, ông lập chùa Liên Tông Tự tại số 145 đường Đề Thám quận 1, Giáo hội Tịnh Độ Tông Việt Nam đã dời trụ sở về đây hoạt động. Đầu thập niên 1970 ông Đoàn Trung Còn đã xuất gia, thọ giới Tỳ-kheo, có pháp danh là Thích Hồng Tại. Từ năm 1931 đến cuối đời, học giả Đoàn Trung Còn đã soạn dịch được khoảng 40 đầu sách. Trong các kinh sách của ông soạn dịch, có bộ *Phật Học Từ Điển* (ba quyển, bốn thứ tiếng Việt – Hán – Pháp – Bắc Phạn) chẳng những đã được xuất bản trong nước và cả ở hải ngoại, còn được tái bản nhiều lần, thật là một công trình quý giá, chứng tỏ ông

đã nghiên cứu nghiêm túc, có phương pháp, hiểu rộng và chuyên sâu giáo lý đạo Phật.

Như học giả Đoàn Trung Còn thật không phải là người tầm thường. Sách *Danh Tăng Việt Nam Thế Kỷ XX* của thầy Đồng Bổn, phần vinh danh các nhân sĩ hữu công với Phật giáo Việt Nam có nói về Đoàn Trung Còn như sau:

“Cư sĩ [sic] Đoàn Trung Còn¹ là người có công lớn đối với công việc hoằng dương chánh pháp. Vào thời điểm mà kinh sách về Phật giáo viết bằng chữ quốc ngữ phổ thông còn rất hiếm hoi, trình độ hiểu biết về giáo lý đạo Phật trong đại đa số quần chúng Phật tử còn mờ mịt, thì ông là người cư sĩ không chỉ biết tu hành hướng thiện cho bản thân, mà còn đem cả tâm huyết nghiên cứu, học hỏi để viết sách, dịch kinh phổ biến cho mọi người cùng tu học. Chúng ta có thể nói rằng những Phật tử sống vào nửa đầu thế kỷ XX nâng cao sự hiểu biết Phật pháp của mình, ngoài những buổi nghe các bậc giảng sư thuyết pháp ở chùa, một phần khác cũng đã nhờ đọc những cuốn sách của ông.”²

Những gì ông Đoàn Trung Còn đã làm cho Phật giáo Việt Nam thật còn hơn cả sự nghiệp của một vị hòa thượng. Nếu trở lại bối cảnh Việt Nam giai đoạn chấn hưng Phật giáo vào thập niên 1930, ta mới thấy được hết tâm đức và trí tuệ của ông Đoàn Trung Còn. Những người như ông Đoàn Trung Còn không thể nhìn vào thân phận cư sĩ của họ mà đánh giá được. Chẳng phải là Tổ sư Minh Đăng Quang đã bảo các đệ tử nên sử dụng kinh sách Phật giáo do ông Đoàn Trung Còn biên soạn đó sao?



Quyển của Ni sư Tuyết cúng dường, có bao giấy dầu, đã xé bỏ.

¹ “Tỳ-kheo Thích Hồng Tại – học giả Đoàn Trung Còn” thì mới đúng, và phải xếp ở phần chư Tăng.

² Thích Đồng Bổn chủ biên, *Tiểu Sử Danh Tăng Việt Nam Thế Kỷ XX*, tập II, Hà Nội, Nxb. Tôn Giáo, 2002, tr. 963-964.

Năm 1934, ông Đoàn Trung Còn đã xuất bản tác phẩm *Tăng Đồ Nhà Phật*, quyển thứ chín trong loạt sách Phật học của ông. Đây là quyển Luật Phật giáo đầu tiên bằng tiếng Việt hiện đại. Quyển này được nhiều nhà trí thức đương thời ở Việt Nam như bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, ngài Minh Tịnh ở Búng – Thủ Dầu Một... ca ngợi. Những lời khen đó đã được trích đăng đầu sách khi tái bản lần thứ hai vào năm 1935. Quyển *Tăng Đồ Nhà Phật* do ông Đoàn Trung Còn biên soạn từ nhiều nguồn, chứ không đơn thuần chỉ y cứ vào *Tứ Phần Luật* của hai ngài Phật-đà-da-sá và Trúc Phật Niệm phiên dịch Phạn – Hán vào đầu thế kỷ V tại Trung Quốc, cho đến cũng không sử dụng thuần một nguồn kinh điển Phật giáo Hán tạng.



Quyển *Bồ-tát Giáo* bên trái là quyển có ba hàng chữ...

Ngoài hai phần sách trên, Ni sư Tuyết còn có *Bồ-tát Giáo*, *Minh Đăng Quang Pháp Giáo* và các *Kinh Tam Bảo* xuất bản trước năm 1975 của Phật giáo Khất Sĩ. Tôi xem kỹ quyển *Bồ-tát Giáo* của Ni sư, thấy nó khác với bản photo tôi có, nhưng cũng do Tịnh xá Ngọc Viên ấn hành năm 1962. Quyển *Bồ-tát Giáo* này in ấn đẹp hơn, rõ hơn, chữ to, quyển lớn hơn, ít sai chính tả so với quyển tôi có. Điều tôi chú ý là quyển này có chữ ký của Tổ sư Minh Đăng Quang không? Ni sư Tuyết lật tìm, phát hiện quyển này tuy không còn chữ ký nhưng vẫn còn mấy hàng chữ tự xưng dưới chữ ký ở cuối bài *Tứ Chúng*:

Pháp vương Minh Đăng Quang
Nhiên Đăng thượng cổ Phật
Giáo chủ cõi Ta-bà.

Nghe trong kinh kể rằng, trong mười phương ba đời khắp pháp giới chúng sanh có nhiều đức Phật mang hiệu Nhiên Đăng, nhưng đức Phật Nhiên Đăng giáo chủ cõi Ta-bà này trong quá khứ thì chỉ có một. Vinh hạnh thay, Ngài lại giáng thế! Còn nỗi vui nào hơn được Phật ra đời trong thế giới của chúng ta? Nhân gian khổ lụy sẽ được chuyển hóa thuần hậu là do sự ra đời của chư Phật, chư Thánh:

Cõi đời biển ái lặng trang,
Sông mê trong vắt, sóng an nước bình!

Lúc này, Ni sư Tuyết đã cho biết:

– Sổ sách này sư cần quyền nào thì trò đều xin cúng dường hết.

Tôi nhìn lên, Ni sư nói tiếp chân thành:

– Sư giữ mấy sách này chắc là có nhiều lợi ích hơn các trò.

Ni sư nói thật có đạo lý. Tôi cảm tạ Ni sư và xin bộ *Chơn Lý* – 1971 hai quyển lớn, *Chơn Lý* – 1971 một quyển to (*Giáo hội cho đóng lại từ hai quyển lớn và làm thêm một bìa dày bên ngoài*), 10 quyển *Chơn Lý* lẻ xuất bản trước tháng 3-1954, quyển *Bồ-tát Giáo* và xin hết sổ sách của ông Đoàn Trung Còn. Tôi khuyên Ni sư nên giữ kỷ niệm bộ *Chơn Lý* của Ni trưởng Trí Liên và bộ *Chơn Lý* – 1961 mà Ni sư đã gắn bó nhiều năm. Còn các bộ *Chơn Lý* – 1993, *Chơn Lý* – 1998 thì dễ tìm rồi.



Ni sư Tuyết Liên, Phó thường trực Ban Quản Chúng Ni giới Giáo đoàn IV.

Sau đó, tôi mời Ni sư vào Ban Biên Tập Ánh Nhiên Đăng, đề nghị quý Ni sư đừng dùng từ “phân đoàn” vì từ đó yếu hơn từ “giáo đoàn”, mong Ni sư đừng ngại tham gia Ban Biên Tập Đuốc Sen và hỏi thăm Ni sư về chùa Linh Bửu ở gần đây. Thì ra vấn đề chùa Linh Bửu đã được Ni sư Tuyết Liên quan tâm từ nhiều năm trước. Ni sư cho biết gần đây có hai chùa Linh Bửu: một ngôi Linh Bửu Tự ở cách ngôi Linh Bửu ngày xưa lúc Tổ sư Minh Đăng Quang ở Phú Mỹ khoảng hai, ba cây số, còn một ngôi Linh Bửu Tự ở ngoài này và do Ni quản lý. Tôi biết chùa Linh Bửu này, vị trụ trì ở đó ba năm nay là sư cô Trung Hải, học chung lớp với tôi ở Học viện Phật giáo.

Phú Mỹ là nơi mà Tổ sư Minh Đăng Quang đã lui tới hành đạo trong hai năm. (*Chắc là hai năm 1946 và 1947. Người xưa kể năm chứ không tính khoảng thời gian như bây giờ, ví dụ: từ 1944 đến 1946 nói theo cách xưa sẽ là ba năm*

1944, 1945 và 1946, mặc dù có khi quãng thời gian đó chỉ mới 14 tháng...) Chính nơi đây mỗi đạo Khất Sĩ đã được thai nghén để đến đầu năm 1947 Tổ sư bắt đầu nhận đệ tử Tăng, Ni và đi khắp nơi mở đạo. Qua năm 1948 thì Tổ sư đã đưa Giáo pháp Khất sĩ về Sài Gòn, tạo nên một dấu ấn lịch sử nơi thủ phủ của xứ Nam Bộ, rồi quay về miền Tây Nam Bộ phát triển mạnh... Vào năm 1946, chùa Linh Bửu tọa lạc giữa rừng, chỗ ít người lui tới. Chùa Linh Bửu thuộc Tịnh độ Cư sĩ, được dân địa phương thời ấy gọi nôm na là Chùa Ông Đê.

Khi Tổ sư về Phú Mỹ, mọi người thường gọi ngài là thầy Sáu. Ban đầu thầy Sáu mặc bộ bà ba đen, sau khi phát nguyện hành hạnh Phật Tăng xưa thì ngài xin vải trắng, nhuộm và may thành y mà mặc. Hàng ngày thầy Sáu đi khất thực ở Phú Mỹ bằng bát gạo dừa, độ cơm dưới gốc cây và tùy duyên giảng đạo cho mọi người. Thầy Sáu đã từng giảng bài chơn lý *Võ Trụ Quan* lần đầu tại nhà ông Phổ Hiền, nhưng bài pháp đầu tiên thầy Sáu giảng ở Phú Mỹ là bài *Thuyền Bát-nhã*. Bài này về sau được ngài yêu cầu cô Huỳnh Liên viết thành kệ, có tên là *Thuyền Trí Huệ*:

Thuyền trí huệ ngược dòng rẽ sóng
Đèn quang minh rạng bóng soi đời
Ai người trời hụp chơi vui
Khá mau bám níu vào nơi mé bờ.
Biển trần thế đục nhơ đã lắm
Bao anh hùng chìm đắm khổ nguy...

Ni sư Tuyết còn biết một bài *Thuyền Bát-nhã* có đoạn đầu như sau:

Thuyền Bát-nhã ngược dòng biển ái
Cõi u minh xoay trở liên đài
Tĩnh tâm sáng chiếu trần ai
Đưa người đắm đuối mê say lên thuyền.
Biển vật chất ngàn thiêng sóng gió
Bả lợi danh dường thế sóng to...

Khi ở Phú Mỹ, thầy Sáu nghỉ tại vườn nhà ông bà Tư Nhu. Về sau hai vợ chồng này đã quy y theo thầy Sáu, được thầy đặt pháp danh là Phổ Hiền và Chơn Ngọc. Lúc thầy Sáu mới về Phú Mỹ, ban đầu nhiều người chưa tin ở đạo hạnh của vị thầy trẻ tuổi này. Khi thầy Sáu nói tu hạnh Tứ y pháp của chư Phật, ngày ăn một bữa dưới gốc cây, vị thủ tọa chùa Linh Bửu (một cư sĩ) đã nhờ bà Tư Nhu tìm cách thử ngài. Thế là liên tiếp mấy ngày, cứ khoảng sau 9 giờ sáng là bà Tư lại mời thầy Sáu lên chùa nói chuyện đạo với ông thủ tọa. Lên chùa, vị thủ tọa giữ thầy Sáu đến qua 12 giờ mới để thầy Sáu về, bởi quá ngộ thì thầy Sáu sẽ không ăn. Bà Tư đã để ý xem thầy Sáu có ăn gì không, trong suốt ba, bốn ngày thử thách...

Nghe kể câu chuyện này, tôi cũng chẳng trách gì những người đã thử thách đức Tổ sư của mình. Tôi hiểu chuyện đã xảy ra trong giai đoạn nào và với ai. Thời ấy, nền Phật giáo Việt Nam đang hồi sinh, vị thủ tọa Linh Bửu Tự tuy là một cư sĩ nhưng đã lớn tuổi và chắc cũng có uy tín với người ở địa phương; trong khi một ông thầy Sáu trẻ măng mới chân ướt chân ráo về đến xứ ấy, thì dĩ nhiên người ta sẽ không vội tin tưởng ông. Chính đức Phật Thích-ca cũng đã

từng khuyến khích mọi người là đừng vội tin tưởng những gì ngài dạy, nếu như chưa xem xét kỹ chúng. Tuy vậy, tôi cũng thấy cảm khái về buổi đầu lập đạo của hàng tiền nhân:

Đầu tiên trên bước lữ hành
Lẻ loi chỉ có một mình, đường xa...

Qua chuyện này, tôi xác định được hai điều, một là thầy Sáu đã không ở trong chùa Linh Bửu. Chùa Linh Bửu có lẽ chỉ là nơi mà thầy Sáu thỉnh thoảng thuyết pháp tại đây. Điều thứ hai là thầy Sáu đã về Phú Mỹ khi ông thủ tọa đó còn sống.



Tượng Tổ sư Minh Đăng Quang (thờ tại Ngọc Hiệp)

Được khắc bằng đá lấy tại Mũi Nai – Hà Tiên, nơi Tổ sư ngộ đạo.

Khi ở Phú Mỹ, có một lần thầy Sáu đã chỉ vuông đất kế bên nhà ông bà Phở Hiền – Chơn Ngọc mà bảo: “Nơi này sau có thể cất một cái tịnh.”. Bà Chơn Ngọc thưa: “Các trò đâu có tiền mà cất cái tịnh cho thầy.”. Thầy Sáu vẫn bảo tiếp: “Sau này cất thì nhớ đặt tên là Mộc Chơn.”... Đến năm 1952, Tịnh xá Mộc Chơn đã được ông bà Phở Hiền – Chơn Ngọc và mọi người cất lên. Do bà Chơn Ngọc đã trông coi quản lý tịnh xá suốt nhiều năm, thành thử mọi người thường gọi đó là Chùa Bà Bảy (*gọi theo tên thứ của bà*). Mãi đến đầu năm 1973 mới có sư cô Đồng Liên về ở Mộc Chơn cho đến nay.

Tại Phú Mỹ, đã có ba cô đến cầu pháp với thầy Sáu. Thầy Sáu đã đáp lại thỉnh cầu của ba vị đó rằng: “Tôi nay chưa có đệ tử nam, nên chưa nhận đệ tử nữ.”. Qua tháng 4 âm lịch năm 1947, ngài đã cho ba cô đó xuất gia, thọ giới Sa-di Ni trong giáo pháp của ngài với pháp danh là Huỳnh Liên (*Sen Vàng*), Bạch Liên (*Sen Trắng*) và Thanh Liên (*Sen Xanh da trời*). Xuất gia cùng đợt với ba cô còn có sư cô Bửu Liên (*Sen Quý báu*), một người lớn tuổi và đã xuất gia nhiều năm, do đó được thầy Sáu xếp đứng đầu trong bốn vị; nhưng bà Bửu Liên đã mất trước khi Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng. Và cũng trong mùa an cư

năm đó, cô Kim Liên (*Sen Vàng kim*) ở Tân Hội Đông cũng đã được xuất gia nhập chúng.

Chùa Linh Bửu xưa, theo lời Ni sư Tuyết kể, đã bị giặc Pháp cho san bằng nhà cửa, sau khi Tổ sư Minh Đăng Quang rời khỏi Phú Mỹ. Thế nhưng trải qua nhiều năm, đến năm 1997, nơi đây vẫn còn được dân chúng thờ bát hương dưới một gốc cây điều, xem như đất chùa vẫn còn, không ai dám xâm phạm. Ni sư Tuyết đã đưa mấy tấm hình chụp cảnh Ni sư thăm nơi đó cho tôi xem. Hiện nay, hình như nhà nước đã cho san bằng nơi này để làm nông trường.

Tình cờ xem một quyển sách về Phật giáo tỉnh Tiền Giang, tôi được biết hiện tại ở Tiền Giang có sáu ngôi chùa Linh Bửu ở các huyện: một ở Cai Lậy, một ở Gò Công Đông, hai ở Gò Công Tây, một ở Châu Thành (*gần Tịnh xá Ngọc Hiệp*) và một ở Tân Phước. Ngôi Linh Bửu Tự ở Tân Phước chính là chùa Linh Bửu ngày xưa được xây dựng lại trên vùng đất khác. Chùa Linh Bửu này do thầy Thích Quán Đức đang làm giám tự. Địa chỉ của chùa tại ấp 1, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Trong chùa hiện còn thờ hình đức Tổ sư Minh Đăng Quang, hình ông Thủ tọa Đề... Cuối buổi viếng thăm Tịnh xá Ngọc Hiệp hôm đó, Ni sư Tuyết định kêu người chở tôi vào thăm chùa Linh Bửu, nhưng tôi bảo thôi đi, đã trưa rồi. Những thông tin về Phú Mỹ này rồi sẽ được tìm hiểu tiếp.

Trên thế gian này, tâm vọng của chúng sanh có sức mạnh thật kinh khủng. Nó chính là ý chí sống còn của chúng sanh. Chính tâm vọng đã tạo ra tất cả không gian, thời gian, con người, vạn vật, đủ chuyện thiện ác... Một ngôi chùa Linh Bửu Tự có là gì trong không gian vô cùng và thời gian vô tận. Linh Bửu Tự đã được lập ra, bị chiến tranh tàn phá, rồi lại hồi sinh. Điều tôi quan tâm là con người chứ không phải là vật chất. Bởi vì nơi đâu người tu ở thì nơi đó là đạo tràng, là chùa chiền, tịnh xá. Nếu có tịnh xá chùa chiền mà không có người tu thì thật vô nghĩa, gọi là có nhà không chủ, có xác không hồn.

Phú Mỹ, nơi thầy Sáu của chúng ta đã hành đạo trong hai năm. Đến khi lên Tổ vị, ngài được chư Phật xưng tụng pháp danh Minh Đăng Quang. Từ đó ngài rời Phú Mỹ ra đi lập đạo. Hôm nay chúng ta tìm lại dấu vết của hàng tiền nhân thì quả thật mọi pháp hữu vi đều vô thường. Có rất nhiều việc đã xảy ra, đã chuyển biến, đã định dạng thành Đạo Phật Khất Sĩ hữu vi ở nhân gian này. Ai muốn biết những chuyện linh tinh của nó thì hãy theo chân tôi đi một vòng, để tìm hiểu được gì đó. Sự ra đi này có khác nào tạo ra một sợi chỉ, để khâu kết mọi tình tiết rời rạc, viết nên một sử ký của Đạo. Và như vậy mọi người cũng sẽ lần lượt xuất hiện, trong ký sự Trung Giang nhiều kỳ của tôi...

Tp. Hồ Chí Minh, 9/2011.
